TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:47/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 -2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đại

2. Ông Trần Thành Khen

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồ Quế Thanh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa*:** ông Phan Thanh Hào - kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 107/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2018/QĐXX-ST, ngày 31 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1985; trú tại: Số 4, ấp A, xã Long, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh H, sinh năm 1982; trú tại: Số 4, ấp A, xã Long, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/ 3/ 2018 của nguyên đơn chị Lê Thị N và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Chị N và anh Trần Thanh H do người lới sắp đặt rồi quen nhau và tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H tụ tập bạn bè ăn nhậu không lo cho gia đình dẫn đến cự cãi và anh H đã đánh chị. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2016 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh H.

* *Về con chung*: có 01 con chung tên Trần Lê Hoàng Phúc, sinh năm 2008, khi ly chị đồng ý giao con cho anh H nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

* *Tài sản chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về nợ chung*: không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Thanh H không đến dự phiên hòa giải cũng như không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình: yêu cầu ly hôn với anh H, con chung: giao cháu Trần Lê Hoàng Phúc cho anh H nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 700.000đ. Tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành lấy lời khai của đương sự đúng theo quy định tại Điều 98 của BLTTDS. Thời gian xét xử đúng hạn so với quy định tại Điều 203 của BLTTDS. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định 227 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 của BLTTDS; Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 và điêm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N được ly hôn với anh Trần Thanh H. Về con chung: giao cháu Trần Lê Hoàng Phúc, sinh ngày 23/01/2008 cho anh H nuôi dưỡng và chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ nên được chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xét. Về án phí: buộc chị N phải chịu 300.000đ và án phí cấp dưỡng 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt theo quy định khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009, chị N và anh H cưới nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 47, Quyển số 01 cấp ngày 16/5/2009. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H ăn nhậu không lo gia đình dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ly thân từ tháng 3 năm 2016 cho đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn lại được với nhau, anh H không có ý kiến gì. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn Tòa án cho chị N được ly hôn với anh H phù hợp với khoản 1 Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình.

[3]Về con chung: có con chung tên Trần Lê Hoàng Phúc, sinh năm 2008, hiện đang sống chung với anh H. Chị N có ý kiến là giao cho cho anh H nuôi dưỡng, anh H không có ý kiến phản hồi gì. Cháu Phúc có ý kiến sau khi ly hôn có nguyện vọng sống chung với cha. Để đảm bảo quyền lợi cũng như điều kiện phát triển của cháu Phúc, theo quy định các khoản 2 và 3 của Điều 81 luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện này.

[4]Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5]Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[6]Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ và án phí cấp dưỡng 300.000đ. Tổng cộng: 600.000đ. Nguyên đơn đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001375 ngày 19/3/ 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên được trừ. Nguyên đơn còn phải nộp thêm 300.000đ tiền án phí.

Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định.

***Tuyên xử*:**

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Trần Thanh H.

2.Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Lê Hoàng Phúc, sinh năm 2008 cho anh Trần Thanh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N cấp dưỡng mỗi tháng 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng) và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Anh H có quyền khởi kiện thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Chị N có quyền khởi kiện

thay đổi việc nuôi con nếu sau này có yêu cầu.

3.Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, nên không đặt ra để giải quyết.

5.Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp 600.000đ gồm: 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001375 ngày 19/ 3/ 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên nguyên đơn còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án hôm nay. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đs;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Tấn Phong